

TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 257/2026/HC-PT

Ngày 27-01-2026.

V/v “*Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực giải quyết chế độ ưu đãi
đối với người có công với cách mạng
và quyết định giải quyết khiếu nại*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tuấn.

Các Thẩm phán: Ông Dương Anh Văn.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Cẩm Linh – Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Đăng R – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 257/2025/TLPT-HC ngày 25/10/2025 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực giải quyết chế độ ưu đãi đối với người có công với cách mạng và quyết định giải quyết khiếu nại*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 52/2025/HC-ST ngày 18-8-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2169/2025/QĐXX-HC ngày 24 tháng 11 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 112/2025/QĐ-PT ngày 17/12/2025 và Thông báo mở lại phiên tòa số 113/2025/TB-TA ngày 25/12/2025 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Phạm Thị B, sinh năm 1955; địa chỉ: tổ A, ấp T, xã B, tỉnh An Giang; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1983; địa chỉ: D, ấp D, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Trần Minh H, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm T1; có mặt.

- Người bị kiện:

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K; (không còn hoạt động)

Kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh A.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Trung H1, Phó Chủ tịch UBND tỉnh A; xin vắng mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Huỳnh Tấn P, Phó Giám Sở Nội vụ tỉnh A; có mặt.

+ Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh K (Kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng: Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh A); địa chỉ: I M, phường R, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Tấn P, Phó Giám Sở Nội vụ tỉnh A; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Phạm Thị B, là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện bà Phạm Thị B trình bày:

Năm 1993, bà lập hồ sơ đề nghị xem xét cho bà được hưởng chế độ của Nhà nước đối với người có công với cách mạng trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ. Các cơ quan chức năng và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh K đã thẩm tra xác minh, công nhận hồ sơ của Bà đủ tiêu chuẩn và ra quyết định cho Bà được hưởng chế độ như thương binh (kết quả giám định tỷ lệ thương tật là 31%). Bà hưởng chính sách đãi ngộ của nhà nước hết năm 1993, đến tháng 3 năm 1994 thì Sở cắt chế độ của Bà mà không có quyết định và không cho biết lý do. Bà đã hỏi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện H, tỉnh Kiên Giang thì được trả lời hồ sơ của Bà có người tố cáo. Bà khiếu nại nhiều lần nhưng kết quả giải quyết chỉ đưa ra những lý do không có cơ sở. Đến năm 2007, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh K mới ra quyết định cắt chế độ của Bà.

Ngày 14/9/2015, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh K ra Quyết định số 6998/QĐ-LĐTBXH về việc đình chỉ chế độ người hưởng chính sách thương binh, thu hồi quyền lợi của Bà với lý do từ đơn phản ánh của bà Trần Thị N cho rằng Bà là người giúp mua gạo cho trại giam tỉnh L có một lần rồi bị thương, vì vậy không đủ điều kiện để hưởng chính sách. Bà không đồng ý với quyết định này. Bà đã xuất trình giấy xác nhận của lãnh đạo phân công giao nhiệm vụ cho bà, nhưng không được xem xét.

Ngày 12/12/2018, Sở L ban hành Quyết định số 13159/QĐ-LĐTBXH về việc đình chỉ chế độ ưu đãi đối với người có công đối với Bà, với lý do hồ sơ của Bà không đủ điều kiện xác nhận hồ sơ người hưởng chính sách như thương binh. Sau đó, Giám đốc Sở L và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh đã bác đơn khiếu nại của Bà (lần 1 và lần 2). Do đó, Bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 13159/QĐ-LĐTBXH ngày 12/12/2018 của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh K về việc đình chỉ chế độ ưu đãi đối với

người có công đối với bà Phạm Thị B;

- Hủy Quyết định số 7926/QĐ-LĐTBXH ngày 30/07/2019 của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh K về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị B (lần đầu);

- Hủy Quyết định số 1822/QĐ-UBND ngày 18/6/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh K về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị B (lần hai);

- Hủy Quyết định số 9191/QĐ-LĐTBXH ngày 27/6/2024 của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh K về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định trợ cấp thương tật và số thương binh đối với bà Phạm Thị B;

- Hủy Quyết định số 9192/QĐ-LĐTBXH ngày 27/6/2024 của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh K về việc thu hồi tiền (số tiền 1.126.880 đồng) đối với bà Phạm Thị B;

- Khôi phục lại chế độ ưu đãi của Đảng và Nhà nước đối với người có công với cách mạng đối với bà Phạm Thị B.

Tại Văn bản số 690/SNV-TTr ngày 10/4/2025, người bị kiện Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh K (nay là Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh A) trình bày:

Theo hồ sơ chế độ ưu đãi đối với người hưởng chính sách như thương binh xác lập năm 1993, thì bà B là cơ sở của Đội Trinh sát an ninh tỉnh Long Châu Hà, bị thương tháng 6/1974 tại Kinh H9 thuộc xã N, huyện H; trường hợp bị thương: chuyển lương thực, đưa tin tình hình địch, bị địch bắn pháo bị thương (có giấy xác nhận của 02 ông Nguyễn Hoàng L1 và ông Trương Minh V, nguyên là trinh sát của Ban An ninh tỉnh Long Châu H2, nay là Công an tỉnh A); Công an tỉnh A cấp Giấy chứng nhận bị thương số 121 ngày 01/7/1993; ngày 10/7/1993, Hội đồng Giám định y khoa tỉnh Kiên Giang kết luận tỷ lệ thương tật của bà Phạm Thị B là 31%; ngày 31/7/1993, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh K ra Quyết định (không số) trợ cấp thương tật và cấp sổ thương binh cho bà B, với tỷ lệ thương tật là 31%, thời gian hưởng từ tháng 4/1984. Đến ngày 14/8/1993. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh K cấp Giấy Chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh số KG/CK93653 cho bà B.

Năm 1993, nhận được phản ánh của công dân về trường hợp của bà B được hưởng chính sách là không đúng đối tượng, ngày 14/3/1994, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện H có văn bản đề nghị cắt chế độ thương binh của bà B, nhưng Sở L không phúc đáp. Từ tháng 4/1994, Phòng L đã ngưng chi trả trợ cấp đối với bà B, thời điểm này bà B không khiếu nại (tính đến tháng 4/1994 bà B đã hưởng trợ cấp với số tiền 1.126.880 đồng).

Đến năm 2006, bà B làm đơn khiếu nại gửi Sở L và Xã hội Tỉnh, yêu cầu giải quyết được tiếp tục hưởng trợ cấp. Qua kiểm tra, xác minh và làm việc với 02 nhân chứng xác nhận hồ sơ của bà B (ông Nguyễn Hoàng L1 và ông Trương Minh V xin rút xác nhận vì không chứng kiến việc bị thương của bà B, bà B không phải là chiến sĩ thuộc lực lượng vũ trang Công an tỉnh L và không trực tiếp phân công nhiệm vụ cho bà B), Sở L đã ban hành Quyết định số 139/QĐ-LĐTBXH ngày 22/10/2007 (gọi tắt là Quyết định 139) về việc thu hồi danh hiệu thương binh của

bà B. Bà B đã làm đơn khiếu nại Quyết định 139 và cung cấp thêm một số giấy xác nhận về trường hợp tham gia cách mạng và bị thương của mình, cụ thể: Giấy xác nhận ngày 05/10/2012 của ông Trần Thanh H3, nguyên là Đội trưởng Đội giam giữ Công an tỉnh L; Giấy xác nhận ngày 10/10/2012 của ông Lê Hoàng T, nguyên là Đội trưởng Đội trình sát lực lượng vũ trang Công an tỉnh L; Giấy xác nhận ngày 08/10/2012 của bà Nguyễn Thị D, nguyên là y tá thuộc Công an tỉnh L và một số xác nhận khác.

Tuy nhiên, qua kết quả kiểm tra và làm việc với các nhân chứng trên, ông T, ông H3 và bà D đều khẳng định bà B có tham gia vận tải gạo, thuốc và có chứng kiến việc bị thương của bà B. Tuy nhiên, bà B tham gia chỉ với vai trò là cơ sở cách mạng, không phải là cán bộ chiến sĩ thuộc Công an tỉnh L (có xác nhận của Công an tỉnh A).

Ngày 27/01/2014, Giám đốc Sở L ban hành Quyết định số 26/QĐ-LĐTBXH và Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2005/QĐ-UBND ngày 22/9/2014 (gọi tắt là Quyết định 26 và Quyết định 2005), giải quyết khiếu nại của bà B với nội dung, không chấp nhận khiếu nại.

Quá trình Tòa án nhân dân tỉnh thụ lý giải quyết, ngày 11/9/2015 Giám đốc Sở L ban hành Quyết định số 6997/QĐ-LĐTBXH (gọi tắt là Quyết định 6997) thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 139/QĐ-LĐTBXH (do chưa đảm bảo về nội dung và thể thức). Ngày 14/9/2015, Giám đốc Sở L tiếp tục ban hành Quyết định số 6998/QĐ-LĐTBXH (gọi tắt là Quyết định 6998) về việc đình chỉ chế độ người hưởng chính sách như thương binh, thu hồi quyền lợi đã hưởng sai đối với bà Phạm Thị B (trong đó thể hiện: Thu hồi, hủy bỏ Quyết định không số ngày 31/7/1993 của Giám đốc Sở L, thu hồi nộp ngân sách nhà nước số tiền 1.126.800 đồng, Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh, thẻ BHYT...). Sau khi nhận Quyết định 6997 và Quyết định 6998, bà B rút đơn khởi kiện và được Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đình chỉ giải quyết vụ án hành chính.

Đến năm 2018, bà B làm đơn gửi Chủ tịch nước, Ban Dân nguyện Ủy ban thường vụ Quốc hội đề nghị các cơ quan thẩm quyền xác minh, phục hồi chế độ, chính sách thương binh đối với bà. Ngày 31/01/2018, Văn phòng Chủ tịch nước có Văn bản số 176/VPCTN chuyển đơn của bà B đến UBND tỉnh K để kiểm tra, xem xét. Chủ tịch UBND Tỉnh giao cho Công an tỉnh K chủ trì, phối hợp với Sở L, Thanh tra tỉnh làm việc với Công an tỉnh A để xác định vụ việc của bà B.

Ngày 10/10/2018, Công an tỉnh K có Công văn số 383/CAT-TCCB về việc trao đổi giải quyết chế độ thương binh bà Phạm Thị B, với nội dung: “Công an tỉnh A khẳng định bà B không phải cán bộ, chiến sĩ công an mà chỉ là cơ sở của lực lượng Công an tỉnh L (Giấy chứng nhận bị thương số 121, ngày 01/7/1993 của Công an tỉnh A cấp cho bà Phạm Thị B cũng thể hiện rõ bà chỉ là cơ sở của Đội An ninh Long Châu H2)”. Hiện nay ông L1, ông V đã rút lại giấy xác nhận bị thương của bà B nhưng trước đây có nhiều đồng chí sử dụng bà B trong đó có các đồng chí đã chết nên không xác định được việc bà B bị thương, vì vậy không có cơ sở để hủy giấy chứng nhận bị thương của bà B.

Ngày 29/11/2018, UBND Tỉnh ra Thông báo số 405/TB-UBND về việc giao

Giám đốc Sở L ban hành quyết định hủy bỏ Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 26/QĐ-LĐTBXH (do Quyết định bị khiếu nại số 139/QĐ-LĐTBXH đã bị thu hồi, hủy bỏ) và Quyết định số 6998/QĐ-LĐTBXH (do không đúng thể thức và nội dung Mẫu 01 ban hành kèm theo Thông tư 16/2014/TT- BLĐTBXH ngày 30/7/2014 của Bộ L2 hướng dẫn một số nội dung xác nhận và thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng); đồng thời ban hành quyết định đình chỉ chế độ ưu đãi người có công đối với trường hợp bà B và hướng dẫn và B lập thủ tục đề được hưởng chế độ người giúp đỡ kháng chiến theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/11/2018, Chủ tịch UBND tỉnh K ban hành Quyết định số 2730/QĐ-UBND hủy bỏ Quyết định số 2005/QĐ-UBND (do Quyết định bị khiếu nại số 139/QĐ-LĐTBXH đã bị thu hồi, hủy bỏ). Ngày 12/12/2018, Giám đốc Sở L ban hành Quyết định số 13158/QĐ-LĐTBXH hủy bỏ Quyết định số 26/QĐ-LĐTBXH và Quyết định số 6998/QĐ-LĐTBXH, đồng thời cùng ngày Giám đốc Sở L ban hành Quyết định số 13159/QĐ-LĐTBXH (gọi tắt là Quyết định 13159), đình chỉ chế độ ưu đãi đối với người có công của bà B, với lý do bà B không đủ điều kiện xác nhận hồ sơ người hưởng chính sách như thương binh.

Bà B làm đơn khiếu nại đến Sở Lao động - TBXH Tỉnh, yêu cầu hủy bỏ Quyết định 13159 và phục hồi chế độ cho Bà. Ngày 30/7/2019, Giám đốc Sở L ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 7926/QĐ-LĐTBXH (gọi tắt là Quyết định 7926), với nội dung, không chấp nhận khiếu nại, giữ nguyên Quyết định 13159.

Tại Văn bản số 981/UBND-NC ngày 24/4/2025, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K (nay là Chủ tịch UBND tỉnh A) trình bày:

Bà B không đủ điều kiện xác nhận hồ sơ người hưởng chính sách như thương binh theo quy định tại Điều 11 Tiết 2 Chương 1 Nghị định số 08/NĐ-76 ngày 17/6/1976 của Hội về chính sách, chế độ đối với thương binh, liệt sĩ và gia đình liệt sĩ và điểm c khoản 1 Thông tư số 24-TBXH ngày 19/3/1984 của Bộ L2 về việc thống nhất một số chế độ đối với thương binh, bệnh binh và gia đình liệt sĩ. Việc Công an tỉnh A cấp Giấy chứng nhận bị thương số 121 ngày 01/7/1993 là không đúng đối tượng theo quy định tại điểm a khoản 1 Mục B Phần thứ ba của Thông tư số 05/TT-76 ngày 17/6/1976 của Phủ Chủ tịch Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền N Việt Nam về việc giải thích và hướng dẫn thêm một số điểm thi hành Nghị định số 08/NĐ-76 của Hội đồng Chính phủ về chính sách, chế độ đối với thương binh, liệt sĩ và gia đình liệt sĩ, vì bà B không phải là cán bộ, chiến sỹ thuộc lực lượng Công an tỉnh A.

Do đó, Chủ tịch UBND Tỉnh ban hành Quyết định số 1822/QĐ-UBND ngày 18/6/2024 (gọi tắt là Quyết định 1822), giải quyết khiếu nại (lần 2) của bà B với nội dung, không chấp nhận khiếu nại.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 52/2025/HC-ST ngày 18-8-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã tuyên xử (tóm tắt):

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị B về việc yêu cầu hủy: Quyết định số 13159/QĐ-LĐTBXH ngày 12/12/2018 của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh K về việc đình chỉ chế độ ưu đãi đối với người có công đối với bà Phạm Thị B; Quyết định số 7926/QĐ-LĐTBXH ngày 30/07/2019 của Giám đốc Sở

Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh K về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị B (lần đầu); Quyết định số 1822/QĐ-UBND ngày 18/6/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh K về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị B (lần hai); Quyết định số 9191/QĐ-LĐTBXH ngày 27/6/2024 của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh K về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định trợ cấp thương tật và sổ thương binh đối với bà Phạm Thị B; Quyết định số 9192/QĐ-LĐTBXH ngày 27/6/2024 của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh K về việc thu hồi tiền đối với bà Phạm Thị B; không chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị B về việc khôi phục lại chế độ ưu đãi của Đảng và Nhà nước đối với người có công với cách mạng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 27/8/2025, người khởi kiện bà Phạm Thị B kháng cáo Bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu của Người khởi kiện.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện có ý kiến tranh luận:

Bà Phạm Thị B mặc dù không phải là người của lực lượng vũ trang, nhưng tham gia hoạt động cách mạng và bị thương tích 31%, đã được cấp giấy chứng nhận bị thương nên thuộc diện được hưởng trợ cấp xã hội như thương binh.

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B là không đúng nên đề nghị chấp nhận kháng cáo của bà B, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị B.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện tranh luận:

Bà Phạm Thị B là cơ sở bí mật của Cách mạng nên không thể có nhiều người biết. Những người làm chứng chỉ biết bà B có bị thương do tham gia tải gạo, thuốc nên trường hợp bà B được hưởng chính sách như thương binh là phù hợp, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:

Những người làm chứng xác nhận bà Phạm Thị B là người của lực lượng an ninh tỉnh Long Châu Phú đã có lời khai xin rút lại lời xác nhận. Ngoài ra, bà B không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh bà có tham gia hoạt động cách mạng và bị thương khi tham gia cách mạng để được hưởng chính sách trợ cấp như thương binh. Trường hợp của bà B nếu có đủ điều kiện thì làm hồ sơ để được xét trợ cấp cho người có công giúp đỡ Cách mạng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà B, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ

trong hồ sơ vụ án, xét xử không chấp nhận yêu cầu của Người khởi kiện đối với N1 bị kiện là có căn cứ pháp luật. Người khởi kiện kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới làm thay đổi nội dung vụ án nên đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện bà Phạm Thị B làm trong hạn luật định, đủ điều kiện để thụ lý, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của Người khởi kiện, thấy rằng, theo hồ sơ chế độ ưu đãi đối với người hưởng chính sách như thương binh xác lập năm 1993, thì bà Phạm Thị B là cơ sở của Đội Trinh sát an ninh tỉnh Long Châu Hà, bị thương tháng 6/1974 tại Kinh H9, thuộc xã N, huyện H, tỉnh Kiên Giang, do chuyển lương thực, đưa tin tình hình địch, bị địch bắn pháo bị thương (có giấy xác nhận của 02 ông Nguyễn Hoàng L1 và ông Trương Minh V, nguyên là trinh sát của Ban A, nay là Công an tỉnh A); Công an tỉnh A cấp Giấy chứng nhận bị thương số 121 ngày 01/7/1993; ngày 10/7/1993, Hội đồng Giám định y khoa tỉnh Kiên Giang kết luận tỷ lệ thương tật của bà B là 31%; ngày 31/7/1993, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh K ban hành Quyết định (không số), trợ cấp thương tật và cấp Sổ Thương binh cho bà B, với tỷ lệ thương tật là 31%, thời gian hưởng từ tháng 4/1984; ngày 14/8/1993, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh K cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh số KG/CK93653 cho bà B.

Tuy nhiên, sau khi bà B được hưởng chế độ trên thì có đơn thư phản ánh về việc bà không thuộc đối tượng được hưởng chính sách như thương binh nên từ tháng 4/1994, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện H đã ngưng chi trả trợ cấp đối với bà B (tính đến tháng 4/1994, bà B đã hưởng trợ cấp với số tiền 1.126.880 đồng).

[3] Trên cơ sở khiếu nại của bà B, các cơ quan chức năng tiến hành kiểm tra, xác minh lại hồ sơ của bà B, theo đó, hai nhân chứng xác nhận trong hồ sơ đề nghị hưởng chế độ của bà B vào năm 1993 (ông Trương Minh V và ông Nguyễn Hoàng L1) xin rút xác nhận vì không chứng kiến việc bà B bị thương và xác định bà B không phải là chiến sĩ thuộc lực lượng vũ trang Công an tỉnh L, hai ông (ông V, ông L1) không trực tiếp phân công nhiệm vụ cho bà B (Biên bản ngày 06/9/2007 của Thanh tra Sở L). Các nhân chứng do bà B cung cấp thêm trong hồ sơ (ông Trần Thanh H3, nguyên Đội trưởng Đội Giam giữ; ông Lê Hoàng T, nguyên Đội trưởng Đội trinh sát lực lượng vũ trang; và bà Nguyễn Thị D, nguyên Y tá thuộc Công an tỉnh L), xác nhận bà B có tham gia vận tải gạo, thuốc và có chứng kiến việc bị thương của bà B, nhưng không biết bà B tham gia với vai trò gì, do ai phân công. Như vậy, những nhân chứng trên đều không xác nhận việc bà B bị thương do trực tiếp tham gia chiến đấu; thực tế, bà B chưa thoát ly gia đình để hoạt động cho cách mạng và không chứng minh được Bà thực hiện nhiệm vụ gì, do ai phân công, thuộc tổ chức, đơn vị nào? Do đó, bà B không đủ điều kiện xác nhận hồ sơ người hưởng

chính sách như thương binh theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Chương 1 Nghị định số 08/NĐ-76 ngày 17/6/1976 của Hội về chính sách, chế độ đối với thương binh, liệt sĩ và gia đình liệt sĩ, và điểm c khoản 1 Thông tư số 24-TBXH ngày 19/3/1984 của Bộ L2 về việc thống nhất một số chế độ đối với thương binh, bệnh binh và gia đình liệt sĩ, nên việc Công an tỉnh A cấp Giấy chứng nhận bị thương số 121 ngày 01/7/1993 là không đúng đối tượng theo quy định tại điểm a khoản 1 Mục B Phần thứ ba của Thông tư số 05/TT-76 ngày 17/6/1976 của Phủ Chủ tịch Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền N Việt Nam về việc giải thích và hướng dẫn thêm một số điểm thi hành Nghị định số 08/NĐ-76 ngày 17/6/1976.

[4] Từ các căn cứ trên, ngày 12/12/2018, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh K ban hành Quyết định 13159, đình chỉ chế độ ưu đãi đối với người có công đối với bà B là có căn cứ.

[5] Do đó, Quyết định 7926 và Quyết định 1822 về việc giải quyết khiếu nại của bà B đối với Quyết định 13159 với nội dung, không chấp nhận khiếu nại của bà B là đúng pháp luật.

[6] Xét yêu cầu hủy Quyết định 9191 và Quyết định 9192, thấy rằng, sau khi xác định trường hợp của bà B không đủ điều kiện hưởng chính sách như thương binh, Giám đốc Sở L đã ban hành Quyết định 13159 về việc đình chỉ chế độ ưu đãi đối với người có công đối với bà B, đồng thời, căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng số 02/2020/PL-UBTVQH ngày 09/12/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, và Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, trên cơ sở kết luận của Chủ tịch UBND Tỉnh ngày 19/6/2024 (tại Thông báo số 213/TB-UBND), ban hành Quyết định 9191, thu hồi, hủy bỏ Quyết định không số ngày 31/7/1993 về trợ cấp thương binh và số thương binh cho bà B; Quyết định 9192, thu hồi số tiền 1.126.880 đồng trợ cấp đã hưởng sai của bà B là phù hợp. Việc các cơ quan chức năng hướng dẫn bà B làm thủ tục khen thưởng người dân có thành tích giúp đỡ cách mạng là thực hiện trách nhiệm hướng dẫn pháp luật cho người dân.

[7] Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu của Người khởi kiện đối với N1 bị kiện có đúng với nhận định trên, do đó, ý kiến của đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm đề nghị không chấp nhận kháng cáo của Người khởi kiện, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp nên chấp nhận.

[8] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Thị B thuộc diện người cao tuổi nên được miễn án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính,

Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Phạm Thị B. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 52/2025/HC-ST ngày 18-8-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

1. Áp dụng Pháp lệnh số 26/2005/PL-UBTVQH ngày 29/6/2005 quy định về ưu đãi người có công với cách mạng của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng số 02/2020/PL-UBTVQH ngày 09/12/2020 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng; khoản 2 Điều 11 Chương 1 Nghị định số 08/NĐ-76 ngày 17/6/1976 của Hội về chính sách, chế độ đối với thương binh, liệt sĩ và gia đình liệt sĩ; điểm c khoản 1 Thông tư số 24-TBXH ngày 19/3/1984 của Bộ L2 về việc thống nhất một số chế độ đối với thương binh, bệnh binh và gia đình liệt sĩ; Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về Án phí và lệ phí của Tòa án,

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị B đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh A và Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh A, về việc yêu cầu hủy: Quyết định số 13159/QĐ-LĐTBXH ngày 12/12/2018 của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh K về việc đình chỉ chế độ ưu đãi đối với người có công đối với bà Phạm Thị B; Quyết định số 7926/QĐ-LĐTBXH ngày 30/07/2019 của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh K về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị B (lần đầu); Quyết định số 1822/QĐ-UBND ngày 18/6/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh K về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị B (lần hai); Quyết định số 9191/QĐ-LĐTBXH ngày 27/6/2024 của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh K về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định trợ cấp thương tật và sổ thương binh đối với bà Phạm Thị B; Quyết định số 9192/QĐ-LĐTBXH ngày 27/6/2024 của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh K về việc thu hồi tiền đối với bà Phạm Thị B; khôi phục lại chế độ ưu đãi của Đảng và Nhà nước đối với người có công với cách mạng cho bà Phạm Thị B.

2. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Phạm Thị B được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện CT&KSXXPT tại Tp. HCM;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HSVA, TTCL.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Tuấn

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Anh Văn

Nguyễn Thị Ngọc Hoa

Trần Ngọc Tuấn